**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

Môn học**: TOÁN**

Tên bài học:  **TỈ SỐ PHẦN TRĂM**

Tiết: **74** – Tuần: **15**

Thời gian thực hiện: Thứ Năm, ngày 15 tháng 12 năm 2022

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Học sinh thực hiện được:**

+ Viết được tỉ số phần trăm từ tỉ số cho trước

+ Hiểu được ý nghĩa thực tế của tỉ số phần trăm

**2. Học sinh vận dụng được:**

- Vận dụng tỉ số phần trăm vào giải toán và sử dụng trong cuộc sống.

**3. Học sinh có cơ hội hình thành và phát triển**

+ Năng lực: NL tự chủ và tự học; NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL tính toán.

+ Phẩm chất: Chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point, SGK, phiếu học tập.

**2. Học sinh:** Vở, SGK, đồ dùng học tập.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TG** | **Nội dung các** **HĐ dạy học** | **Phương pháp – hình thức tổ chức** **các hoạt động dạy học tương ứng** | **ĐD** |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| 4’ | **I. Khởi động:***Mục tiêu:* + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước. | - GV tổ chức cho HS chơi TC *“Ai là triệu phú”.* *Câu 1:* Tìm tỉ số của a và b với a = 3 , b = 4A. 3/4 B. 4/3 C. 3/7*Câu 2:* Số?$ \frac{35}{500}= \frac{}{100}$ A. 3 B. 5 C. 7 *Câu 3*: Số? $\frac{1}{2}= \frac{50}{}$A. 20 B. 50 C. 100- Hãy nêu cách làm của con để tìm được PS $\frac{50}{100}$?=> GV nhận xét, đánh giá HS | - HS tham gia trò chơi.- HS trả lời | MC |
| 2’ | **II. Khám phá:** **1. Giới thiệu bài:****MT:** HS nắm được YCCĐ của tiết học | GV cho HS xem một số hình ảnh biển giảm giá 10%, 20%, 30%..., hình ảnh về tiêm phòng, số liệu tiêm vắc xin phòng Covid.- Hỏi HS về các hình ảnh trên- > GV giới thiệu bài mới và ghi bảng: **Tỉ số phần trăm.** - Gọi HS nêu yêu cầu cần đạt.=> GV giới thiệu Phiếu học tập  | - HS trả lời- HS ghi vở- HS nêu  | MCPHT |
|  5’ |  **2. Ví dụ 1** **MT**: HS hiểu tỉ số phần trăm, nắm được cách đọc, cách viết tỉ số phần trăm. | - Gọi 1 HS đề bài và xác định yêu cầu.+ Nếu biểu thị DT vườn hoa trên bằng một hình vuông lớn có cạnh 10m (diện tích 100 m2) và chia nó thành 100 ô vuông nhỏ thì mỗi ô vuông có diện tích bằng bao nhiêu?+ Vậy diện tích trồng hoa hồng là 25 m2 ứng với bao nhiêu ô vuông nhỏ?=> Hãy nêu tỉ số của diện tích trồng hoa hồng và diện tích vườn hoa? - GV gọi HS nhận xét và chốt: Tỉ số của diện tích trồng hoa hồng và diện tích vườn hoa.- Con tìm các tỉ số trên bằng cách nào? - Gọi HS nhận xét.- Con có nhận xét gì về mẫu số của PS ? => GV giới thiệu: Trong toán học, tỉ số có thể viết thành tỉ số phần trăm.***=> Ta viết***:  = 25 % **-** GV giới thiệu, gọi HS nêu cách viết, đọc tỉ số phần trăm.- Yêu cầu HS nhận xét. - GV lấy ví dụ các PS ở phần trò chơi: yêu cầu HS viết thành TSPT và đọc.+ Tỉ số phần trăm của diện tích trồng hoa hồng và diện tích vườn hoa là bao nhiêu?- Gọi HS nhận xét. + Diện tích trồng hoa hồng chiếm bao nhiêu phần trăm diện tích vườn hoa?=> GV chốt và gắn bảng: *Tỉ số phần trăm của diện tích trồng hoa hồng và diện tích vườn hoa là 25%.* Hoặc: *Diện tích trồng hoa hồng chiếm 25% diện tích vườn hoa.* - Gọi HS nêu lại**=> GV chuyển sang VD2** | - 1 HS đọc và xác định- HS trả lời- HS trả lời- HS nêu- HS trả lời.- HS nêu nhận xét- HS thực hiện yêu cầu.- HS lắng nghe, viết TSPT và đọc *-* HS trả lời.- HS nhận xét bạn | MCMCPTPT |
|  6’ |  **3. Ví dụ 2:****MT**: HS biết viết TSPT từ tỉ số có mẫu số khác 100; hiểu ý nghĩa của TSPT. | *-* GV gọi HS đọc đề bài và tóm tắt bài toán.- Yêu cầu HS viết tỉ số vào nháp+ Hãy nêu tỉ số của số học sinh đã tiêm phòng Covid-19 mũi 2 và số học sinh của khối 5.- Gọi HS nhận xét bạn.- GV yêu cầu HS nêu cách tìm các tỉ số đó.+ Dựa vào VD1, cho cô biết, trong các tỉ số trên, tỉ số nào có thể chuyển ngay thành tỉ số phần trăm? Vì sao?- Gọi HS nhận xét bạn. => GV nhận xét, đánh giá+ Từ kết quả bài làm, hãy cho biết: Tỉ số phần trăm của số học sinh đã tiêm phòng Covid-19 mũi 2 và số học sinh khối 5 là bao nhiêu ? + Số học sinh đã tiêm phòng Covid -19 mũi 2 chiếm bao nhiêu phần trăm số học sinh khối 5?***GV chốt:*** Tỉ số phần trăm của số học sinh đã tiêm phòng Covid-19 mũi 2 và số học sinh khối 5 là 20% hoặc số học sinh đã tiêm phòng Covid - 19 mũi 2 chiếm 20% số học sinh khối 5.- Gọi HS nhắc lại.+ Theo con, cứ 100 HS khối 5 thì có bao nhiêu HS đã tiêm phòng mũi 2?- Gọi HS nhận xét bạn- GV nhận xét, đánh giá**=> GV liên hệ, tuyên truyền** cho HSvề việc tham gia tiêm phòng vắc xin Covid-19 khi đủ điều kiện về sức khỏe.**Chốt**: Qua VD2, con biết thêm kiến thức, kĩ năng gì?- Nêu cách viết tỉ số phần trăm từ tỉ số có mẫu số khác 100?**=> GV chuyển sang phần luyện tập** | - 1 HS đọc và nêu tóm tắt- HS nêu- Nhận xét, bổ sung- HS trả lời- HS trả lời- HS nhận xét- HS trả lời- HS trả lời- HS lắng nghe - HS nhắc lại- HS trả lời - HS nhận xét bạn - HS lắng nghe- HS trả lời- HS nêu | MCMC |
| 5’ | **III.Thực hành** **Bài 1:****MT**: HS biết viết tỉ số dưới dạng tỉ số phần trăm | - GV giới thiệu nhân vật phóng viên với HS.- GV đưa BT1, gọi 1 HS yêu cầu của bài.- GV chiếu phần mẫu:+ Con hiểu gì về bài mẫu trên?- Để chuyển $\frac{75}{300}$thành$\frac{25}{100}$ta làm thế nào?=> **GV chốt**: Các con vừa thực hiện chuyển 1 PS về PS có mẫu số là 100 rồi chuyển thành tỉ số phần trăm.- Yêu cầu HS làm BT1 vào vở.- Gọi 1 HS lên bảng làm bài. GV kiểm tra, chấm chữa dưới lớp cho HS.- GV yêu cầu HS trình bày bài làm.- Gọi HS nhận xét.- GV chốt đáp án đúng, đánh giá HS.- Yêu cầu dưới lớp đối chiếu đáp án, tự kiểm tra bài làm của mình.**Mở rộng**: Qua BT1, nếu không dựa vào việc so sánh PS, bạn nào có thể tìm nhanh: PS nào lớn nhất? PS nào bé nhất?- Vì sao con biết?- Gọi HS nhận xét cách làm của bạn.- GV nhận xét, đánh giá.+ Có phải mọi phân số đều chuyển được thành TSPT không? Vì sao?=> ***GV KL, liên hệ với bài sau:***  Không phải PS nào cũng chuyển được thành PS thập phân có mẫu số là 100. Tuy nhiên, phân số đó có thể chuyển thành tỉ số phần trăm được hay không thì chúng ta sẽ cùng tìm hiểu trong tiết học sau!**Chốt:** - Qua BT1 con được củng cố kiến thức, kĩ năng gì?- Để viết 1 PS thành tỉ số phần trăm, ta làm thế nào?**=> GV chuyển sang BT2** | - HS lắng nghe- HS nêu yêu cầu- HS nêu- HS trả lời- HS thực hiện- HS trình bày- HS nhận xét bạn- HS thực hiện- HS nêu- HS nhận xét- HS trả lời- HS lắng nghe, ghi nhớ- HS trả lời | VideoMCMCMC |
| 6’ |  **Bài 2:****MT**: Vận dụng cách tìm tỉ số phần trăm để giải toán. | - GV đưa lời dẫn của phóng viên- GV đưa BT2, yêu cầu HS đọc và tóm tắt bài toán.- Cả lớp làm bài vào vở. 1 HS làm vào bảng phụ - Yêu cầu HS trình bày bài làm- Gọi HS nhận xét.- GV chốt đáp án đúng, cho HS đổi vở kiểm tra.**Liên hệ:** + Theo con, vì sao một số bạn đăng kí tiêm phòng rồi lại không thực hiện tiêm?**=> GD HS:** Khi đã đủ điều kiện và đã đăng kí tiêm phòng covid 19 thì cần tham gia tiêm đầy đủ để có sức đề kháng tốt và tránh lãng phí vắc xin.**Chốt:** Con được củng cố thêm kiến thức, kĩ năng gì qua BT2?**=> GV chuyển sang BT3** | - HS lắng nghe- HS thực hiện yêu cầu- HS làm bài- HS thực hiện - HS nhận xét bài làm của bạn, chia sẻ bài làm của mình- HS trả lời- HS trả lời | VideoMCBP |
| 8’ |  **Bài 3:*****Mục tiêu:*** Biết cách giải bài toán TSPT bằng nhiều cách. | - GV đưa lời dẫn của phóng viên- GV đưa BT3, gọi HS đọc đề bài và nêu tóm tắt.- Yêu cầu cả lớp làm bài vào vở- Chiếu bài của HS- Gọi HS nhận xét bài của bạn=> GV chốt đáp án đúng, yêu cầu HS đối chiếu kiểm tra bài của mình.+ Số trẻ trong độ tuổi từ 5 tuổi tuổi đến dưới 12 tuổi đã tiêm phòng mũi 2 cho biết gì?- GV nhận xét, đánh giá HS - GV lưu ý HS chọn cách làm đúng và nhanh nhất. => Thông qua phóng viên, liên hệ GDKNS cho học sinh. | - HS đọc và nêu TT- HS làm bài- HS trình bày- HS khác nhận xét, bổ sung.- HS thực hiện- HS trả lời- HS lắng nghe, thực hiện | Video |
| 3’ | **4. Vận dụng.****MT**: Củng cố kiến thức đã học,vận dụng vào thực tế. | - Nhắc HS vận dụng kiến thức về TSPT vừa học vào thực tế.- Hôm nay chúng ta học bài gì?- Yêu cầu HS đối chiếu YCCĐ- GV nhận xét tiết học.- Chuẩn bị bài sau: Giải toán về TSPT. |  |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

.................................................................................................................................

.................................................................................................................................

.................................................................................................................................